

**CÔNG TY TNHH KHỞI QUANG VIỆT ÂU**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH KHỞI QUANG VIỆT ÂU

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: VIET AU KHOI QUANG COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: KHOI QUANG VIET AU CO.,LTD

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0107624593

**3. Ngày thành lập:** 07/11/2016

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số nhà 61, ngõ 124 đường Âu Cơ, Phường Tứ Liên, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                               | Mã ngành |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Sản xuất đồ gỗ xây dựng                                                                                                                                                 | 1622     |
| 2.  | Phá dỡ                                                                                                                                                                  | 4311     |
| 3.  | Chuẩn bị mặt bằng                                                                                                                                                       | 4312     |
| 4.  | Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông                                                                                                                      | 4652     |
| 5.  | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp                                                                                                                  | 4653     |
| 6.  | Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                    | 4752     |
| 7.  | Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh | 4759     |
| 8.  | Sản xuất thiết bị điện chiếu sáng                                                                                                                                       | 2740     |
| 9.  | Sản xuất thiết bị điện khác                                                                                                                                             | 2790     |
| 10. | Sửa chữa thiết bị điện                                                                                                                                                  | 3314     |
| 11. | Xây dựng nhà các loại                                                                                                                                                   | 4100     |
| 12. | Xây dựng công trình công ích                                                                                                                                            | 4220     |
| 13. | Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                             | 4753     |
| 14. | Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng                                                                                                                                      | 2640     |
| 15. | Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại                                                                                                              | 2512     |
| 16. | Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại                                                                                                                            | 2592     |
| 17. | Sản xuất thiết bị và dụng cụ quang học                                                                                                                                  | 2670     |
| 18. | Lắp đặt hệ thống điện                                                                                                                                                   | 4321     |
| 19. | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí                                                                                                         | 4322     |

|     |                                                                                                                                      |             |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 20. | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác                                                                                                       | 4329        |
| 21. | Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác                                                                                       | 4520        |
| 22. | Quảng cáo                                                                                                                            | 7310        |
| 23. | Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận                                                                                             | 7320        |
| 24. | Hoạt động thiết kế chuyên dụng<br>Chi tiết: Hoạt động trang trí nội thất                                                             | 7410        |
| 25. | Sửa chữa thiết bị nghe nhìn điện tử gia dụng                                                                                         | 9521        |
| 26. | Sửa chữa thiết bị, đồ dùng gia đình                                                                                                  | 9522        |
| 27. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh; | 8299        |
| 28. | Bốc xếp hàng hóa                                                                                                                     | 5224        |
| 29. | Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao                                                                             | 2395        |
| 30. | Sản xuất sắt, thép, gang                                                                                                             | 2410        |
| 31. | Sản xuất kim loại màu và kim loại quý                                                                                                | 2420        |
| 32. | Sản xuất các cấu kiện kim loại                                                                                                       | 2511        |
| 33. | Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại                                                                                     | 2591        |
| 34. | Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện                                                       | 2710        |
| 35. | Sản xuất linh kiện điện tử                                                                                                           | 2610        |
| 36. | Sản xuất thiết bị dây dẫn điện các loại                                                                                              | 2733        |
| 37. | Sửa chữa máy móc, thiết bị                                                                                                           | 3312        |
| 38. | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                                                                       | 4330        |
| 39. | Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác                                                                                                  | 4511        |
| 40. | Bán lẻ ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống)                                                                                         | 4512        |
| 41. | Bán mô tô, xe máy                                                                                                                    | 4541        |
| 42. | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình                                                                                                   | 4649(Chính) |
| 43. | Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm                                                                                  | 4651        |
| 44. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác                                                                                      | 4659        |
| 45. | Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch                                                                         | 7920        |
| 46. | Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại                                                                                            | 8230        |
| 47. | Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác                                                                                    | 1621        |
| 48. | In ấn                                                                                                                                | 1811        |
| 49. | Dịch vụ liên quan đến in                                                                                                             | 1812        |
| 50. | Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao                                                                                                   | 2394        |
| 51. | Đại lý, môi giới, đấu giá<br>Chi tiết:<br>Đại lý, môi giới,                                                                          | 4610        |
| 52. | Bán buôn kim loại và quặng kim loại                                                                                                  | 4662        |
| 53. | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng                                                                              | 4663        |

|     |                                                                                                        |      |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 54. | Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh | 4741 |
| 55. | Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy                                                  | 4543 |
| 56. | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ                                                                         | 4933 |
| 57. | Kho bãi và lưu giữ hàng hóa                                                                            | 5210 |
| 58. | Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)                    | 4931 |
| 59. | Dịch vụ lưu trú ngắn ngày                                                                              | 5510 |
| 60. | Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động                                                       | 5610 |
| 61. | Hoạt động tư vấn quản lý                                                                               | 7020 |
| 62. | Cho thuê xe có động cơ                                                                                 | 7710 |
| 63. | Đại lý du lịch                                                                                         | 7911 |
| 64. | Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp                                                                | 3320 |
| 65. | Sản xuất thiết bị sử dụng năng lượng chiết lưu                                                         | 2812 |
| 66. | Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ                                                              | 4210 |
| 67. | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác                                                             | 4290 |

**6. Vốn điều lệ:** 1.900.000.000 VNĐ

**7. Thông tin về chủ sở hữu:**

Họ và tên: TRẦN VĂN DŨNG

Giới tính: Nam

Sinh ngày: 02/01/1989

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 037089001206

Ngày cấp: 09/09/2016

Nơi cấp: Cục Cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ 55 F5, tập thể Công ty xà phòng, Phường Thanh Xuân Trung, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Tổ 55 F5, tập thể Công ty xà phòng, Phường Thanh Xuân Trung, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**8. Người đại diện theo pháp luật:**

\* Họ và tên: TRẦN VĂN DŨNG

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 02/01/1989

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 037089001206

Ngày cấp: 09/09/2016

Nơi cấp: Cục Cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ 55 F5, tập thể Công ty xà phòng, Phường Thanh Xuân Trung, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Tổ 55 F5, tập thể Công ty xà phòng, Phường Thanh Xuân Trung, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**9. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội